

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2020/HSST

Ngày 27/11/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Chân

2. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký
Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: ông
Đinh Tiến Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 67/2020/HSST, ngày 30/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HS ngày 06/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/HSST-QĐ ngày 19/11/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Võ Thanh T (Có mặt)**, sinh năm 1990, tại tỉnh Đ; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Võ Văn Q, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; vợ là Đinh Nguyễn Lệ N, sinh năm 1993 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền sự: không; tiền án: 02 tiền án về tội Cố ý gây thương tích và tội Cường đoạt tài sản. Cụ thể: ngày 08/8/2016, bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 09/8/2017, bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án, buộc Võ Thanh T phải chấp hành hình phạt là 04 năm 03 tháng tù. Ngày 21/12/2019, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, bị cáo chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

2. Họ và tên **Nguyễn Công H** (*Có mặt*), sinh năm 1990; tại tỉnh N; nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh N; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thổ; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Công L, sinh năm 1975 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975; tiền sự: không; tiền án: 01 tiền án về tội Cường đoạt tài sản. Cụ thể: Ngày 09/8/2017 bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 03 năm tù về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 02/9/2019 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Nhân thân: Ngày 24/4/2012 bị Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 tháng 10 ngày về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 19/9/2012, bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị can phải chấp hành 02 năm 06 tháng tù. Ngày 12/7/2014, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Họ và tên **Nguyễn Ngọc Thái N** (*Có mặt*), sinh năm 1995; tại tỉnh Đ; nơi cư trú: Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Viết Thanh L, sinh năm 1966 và bà Trần Thị S (đã chết); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 25/9/2012, bị Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 15/7/2014, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Ngày 09/8/2017, bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 20/11/2017, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công H:* Ông Y L và ông Hoàng Ngọc T (*Vắng mặt*) – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ.

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Hữu Đ (*Vắng mặt*), sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Viết T (*Vắng mặt*), sinh năm 1991

Địa chỉ: TDP A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

- *Những người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị D (*Vắng mặt*), sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

2. Bà Hoàng Thị L (*Vắng mặt*), sinh năm 1977

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

3. Anh Nguyễn Văn L (*Vắng mặt*), sinh năm 2003

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

4. Anh Nguyễn Mạnh H (*Vắng mặt*), sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

5. Ông Lê Tiến S (*Vắng mặt*), sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

6. Bà Châu Nữ Quỳnh T (*Vắng mặt*), sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

7. Anh Nguyễn Minh Q (*Vắng mặt*), sinh năm 2005

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc Bà Châu Nữ Quỳnh T (sinh năm 1971, trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đ) có nợ anh Nguyễn Mạnh H (sinh năm 1989, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ) số tiền 580 triệu đồng quá hạn chưa trả được nên trong ngày 14 và 15/4/2020, H đến gặp bà T để yêu cầu trả nợ. Khi H đòi nợ thì bà T cho biết anh Nguyễn Hữu Đ (sinh năm 1981, trú tại thôn P, xã Đ, huyện Đ) còn nợ bà 01 tỉ đồng nhưng chưa trả nên chưa có để thanh toán cho H. H nghi ngờ bà T nói dối mình nên nhờ Võ Thanh T đến tìm anh Đ để hỏi xem việc nợ nần như thế nào. Đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 20/4/2020, T mượn xe ô tô nhãn hiệu Innova biển kiểm soát 48A - 055.05 của anh Lê Viết T (sinh năm 1999, trú tại TDP A, thị trấn Đ, huyện Đ) và rủ Nguyễn Công H, Nguyễn Ngọc Thái N vào khu vực xã Đ, huyện Đ tìm anh Đ nhưng không thấy. Nghĩ là anh Đ đang thu mua chanh dây trong xã L, huyện Đ nên Võ Thanh T nói N điều khiển xe ô tô chạy vào khu vực ngã 3 cầu cháy thuộc xã L, huyện Đ để tìm anh Đ.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 20/4/2020, Võ Thanh T phát hiện thấy anh Nguyễn Hữu Đ đang thu mua nông sản cùng với bà Hoàng Thị L (sinh năm 1977, trú thôn Đ, xã Đ), Nguyễn Minh Q (sinh năm 2005 là con anh Đ), Nguyễn Văn L (sinh năm 2003, trú tại thôn Đ, xã Đ) tại khu vực ngã 3 cầu cháy thuộc xã L. Lúc này, Võ Thanh T nói với N quay đầu xe ô tô đồng thời T, H xuống xe. T đi bộ đến vị trí anh Đ đang ngồi mua chanh dây và nói “*đi với em có tí việc*”. Sau khi N đã quay đầu xe ô tô xong và chạy tới dừng xe ngay sát lề đường phải cách bãi thu mua chanh dây khoảng 2m thì T nắm tay anh Đ kéo lại hướng xe ô tô đang dừng. Anh Đ không đồng ý và phản ứng chống cự lại bằng cách gồng người, trụ 2 chân và thân người nghiêng về phía sau nên T không kéo được anh Đ lên xe, thấy Nguyễn Công H đang đứng nhìn T liền nói “*mày thấy anh vậy sao còn đứng ngơ ra thế*”, biết T cần giúp đưa anh Đ lên xe ô tô nên H

đi lại cầm tay anh Đ cùng với T kéo anh Đ lên xe ô tô. Nguyễn Công H mở cửa sau bên phụ vào trong xe ô tô trước, sau đó cầm tay kéo ông Đ lên xe ô tô, T lên xe ô tô và đóng cửa xe lại. T ngồi bên phải, H ngồi bên trái, anh Đ ngồi giữa, N lúc này vẫn đang ngồi ở vị trí tài xế. Sau đó, T hướng dẫn và chỉ đường cho N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 48A - 055.05 chạy về xưởng chế biến gỗ của gia đình T (thuộc thôn T, T, Đ). Trên đường đi, T có gọi điện nói cho Nguyễn Mạnh H biết đang đưa ông Đ về xưởng và nói H lên gặp Đ để hỏi chuyện nợ nần xem sao. H nghe vậy thì gọi điện cho bà T đến xưởng nhà T để xác nhận tiền nợ cho H, bà T gọi điện rủ ông Lê Tiến S (sinh năm 1962; trú thôn X, xã Đ) đi cùng mình vì biết ông S cũng muốn gặp Đ để hỏi về tiền nợ. Khoảng 45 phút sau thì N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 48A - 055.05 chở T, H và anh Đ đến xưởng chế biến gỗ tại thôn T, T. Khi về đến xưởng, T yêu cầu anh Đ ngồi ở ghế salon phía trước thềm nhà bên trong xưởng. Một lúc sau thì Nguyễn Mạnh H đi cùng ông Lê Tiến S và bà Châu Nữ Quỳnh T đến. Tại đây, bà T hỏi Đ về số nợ 1 tỷ đồng nhưng Đ nói là không nợ nên không phải trả. Do đó bà T đi ra ngoài đợi ông S ngồi bàn bạc với ông Đ về cách thức giải quyết khoản nợ 1 tỉ đồng mà Đ nợ (đã có bản án xét xử của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil).

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi nói chuyện trao đổi xong ông S chở bà T, H chở H bằng xe máy đi về, còn T và N lấy xe ô tô biển kiểm soát 48A – 055.05 chở anh Đ về đến trước nhà thờ V, xã Đ, huyện Đ thì anh Đ xin xuống xe. Sau đó, Võ Thanh T, Nguyễn Ngọc Thái N được cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil triệu tập đến trụ sở làm việc. Nguyễn Công H sau khi phạm tội đã bỏ trốn, sau đó ra đầu thú. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Công H, Võ Thanh T, Nguyễn Ngọc Thái N đã khai báo toàn bộ hành vi bắt người trái pháp luật.

Tại kết luận giám định pháp y thương tích số 628/TgT ngày 08/6/2020 của Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Đắk Nông kết luận: ông Nguyễn Hữu Đ không bị tổn thương, tỷ lệ 0%.

Tại Bản cáo trạng số: 65/CTr-VKS ngày 18/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố các bị cáo Võ Thanh T, Nguyễn Công H, Nguyễn Ngọc Thái N về tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thanh T, Nguyễn Công H, Nguyễn Ngọc Thái N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không bào chữa hay tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt khi được nói lời sau cùng. Đối với trách nhiệm dân sự, các bị cáo thỏa thuận thống nhất liên đới bồi thường cho người bị hại (ông Nguyễn Hữu Đ) tổng số tiền là 9.000.000 đồng, trong đó: bị cáo Võ Thanh T bồi

thường số tiền 5.000.0000 đồng (bồi thường trước tại phiên tòa 2.000.000 đồng), bị cáo Nguyễn Công H bồi thường 2.000.000 đồng và bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N bồi thường 2.000.000 đồng.

Về ý kiến của người bị hại: người bị hại không có ý kiến gì về lời khai của các bị cáo, về trách nhiệm dân sự yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường tổng số tiền 9.000.000 đồng do tổn thất về sức khỏe.

Về ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có ý kiến gì.

Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công H: Có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có gửi bản bào chữa cho bị cáo H, đồng ý với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đã giữ N quyết định truy tố, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh T, Nguyễn Công H, Nguyễn Ngọc Thái N phạm tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Võ Thanh T từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Công H từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 9.000.000 đồng do bị thiệt hại về sức khỏe. Các bị cáo thỏa thuận thống nhất liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền 9.000.000 đồng, cụ thể: bị cáo Võ Thanh T bồi thường số tiền 5.000.0000 đồng (bồi thường trước tại phiên tòa 2.000.000 đồng), bị cáo Nguyễn Công H bồi thường 2.000.000 đồng

và bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N bồi thường 2.000.000 đồng nên đề nghị chấp nhận.

Về vật chứng của vụ án: Không thu giữ gì nên không xem xét.

Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Lê Viết T là chủ sở hữu chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 48A - 055.05, khi cho Võ Thanh T mượn xe ô tô do không biết các bị can sử dụng xe ô tô vào việc phạm tội nên không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Mạnh H, quá trình điều tra xác định việc các bị can có hành vi bắt anh Nguyễn Hữu Đ trái pháp luật, Nguyễn Mạnh H không tham gia và không biết nên không có cơ sở để xử lý.

Ngoài ra anh Nguyễn Hữu Đ còn khai báo, còn bị mất số tiền 200.000.000 đồng để trong túi áo khoác. Quá trình điều tra thu thập tài liệu không có căn cứ xác định về việc anh Đ bị mất số tiền trên, nên không xem xét xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Thanh T, Nguyễn Công H, Nguyễn Ngọc Thái N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công H: về tội danh, hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ đã được đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù

hợp, đối với đề nghị miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là chưa phù hợp, do bị cáo H không thuộc đối tượng được miễn nộp án phí.

Xét quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 20/4/2020, phát hiện anh Đ đang thu mua nông sản ở khu vực ngã ba Cầu Cháy thuộc xã L, huyện Đ. T nói Nguyễn Ngọc Thái N quay xe lại, T và H xuống xe. T đến vị trí anh Đ đang ngồi và nói ‘đi với em có tí việc’. N quay đầu xe ô tô sát lề đường. T nắm tay anh Đ kéo lên ô tô, anh Đ không đồng ý, phản ứng chống cự bằng cách gồng người, trụ hai chân và thân người nghiêng về sau nên T không kéo được. Thấy vậy, Nguyễn Công H cầm tay anh Đ cùng với T kéo anh Đ lên xe ô tô. T ngồi bên phải, H ngồi bên trái, N ngồi vị trí tài xế chở anh Đ về xưởng chế biến gỗ của gia đình T thuộc thôn T, xã T, huyện Đ. Khi đến xưởng gỗ, T yêu cầu anh Đ ngồi ở ghế salon trước thềm nhà bên trong xưởng để các bên nói chuyện. Đến 18 giờ 30 phút, T và N lấy xe ô tô biển kiểm soát 48A-055.05 chở anh Đ về đến trước nhà thờ V, xã Đ thì anh Đ xin xuống xe.

Như vậy, hành vi khống chế ép buộc anh Nguyễn Hữu Đ đưa lên xe ô tô chở về xưởng gỗ của người nhà gia đình bị cáo T là trái với ý muốn của anh Nguyễn Hữu Đ. Hành vi này của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo Võ Thanh T, Nguyễn Công H, Nguyễn Ngọc Thái N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Điều 157. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật:

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện: Hành vi do các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi này đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, sức khỏe và quyền tự do đi lại của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó cả ba bị cáo đều đóng vai trò là người thực hành, hỗ trợ lẫn nhau. Tuy nhiên, bị cáo T là người liên hệ với anh H và chủ động mượn xe ô tô rủ Nguyễn Công H và Nguyễn Ngọc Thái N đi tìm anh Đ; bị cáo Võ Thanh T, Nguyễn Công H là người trực tiếp ép buộc anh Đ lên xe ô tô, còn bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N là người giúp sức với vai trò thấp hơn. Do đó cần phân hóa trách nhiệm

của từng bị cáo để lượng khung hình phạt cho công bằng và tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của từng bị cáo gây ra thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng:

- Đối với bị cáo Võ Thanh T: Ngày 08/8/2016, bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 03 năm tù, về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngày 09/8/2017, bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản theo điểm a khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tổng hợp hình phạt của 02 bản án, buộc Võ Thanh T phải chấp hành hình phạt là 04 năm 03 tháng tù. Ngày 21/12/2019, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Ngày 20/4/2020 bị cáo thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật. Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Đối với bị cáo Nguyễn Công H: Ngày 09/8/2017, bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 03 năm tù về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngày 02/9/2019, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Ngày 20/4/2020, bị cáo thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật. Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; đối với bị cáo Võ Thanh T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại (tại phiên tòa đã bồi thường cho người bị hại số tiền 2.000.000 đồng và được đại diện người bị hại chấp nhận bồi thường), đối với bị cáo Nguyễn Công H sau khi phạm tội đã ra đầu thú và có ông nội (ông Nguyễn Công T) được tặng huy chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, bị cáo Võ Thanh T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự, bị cáo Nguyễn Công H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về nhân thân của các bị cáo:

- Đối với bị cáo Võ Thanh T: bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 08/8/2016, bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 03 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi,

bổ sung năm 2009). Ngày 09/8/2017, bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tổng hợp hình phạt của 02 bản án, buộc Võ Thanh T phải chấp hành hình phạt là 04 năm 03 tháng tù. Ngày 21/12/2019, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Ngày 20/4/2020 bị cáo thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật.

- Đối với bị cáo Nguyễn Công H: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 24/4/2012 bị Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 22 tháng 10 ngày về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngày 19/9/2012 bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị can phải chấp hành 02 năm 06 tháng tù. Ngày 12/7/2014, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống (Bị cáo đã được xóa án tích). Ngày 09/8/2017 bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 03 năm tù về tội Cường đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngày 02/9/2019 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Ngày 20/4/2020 bị cáo thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật.

- Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 25/9/2012, bị Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngày 15/7/2014, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống. Ngày 09/8/2017, bị Toà án nhân dân huyện Đắk Mil xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 135 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngày 20/11/2017, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống (đã được xóa án tích). Ngày 20/4/2020, bị cáo thực hiện hành vi bắt người trái pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại (anh Nguyễn Hữu Đ) yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường tổng số tiền 9.000.000 đồng, bao gồm: Chi phí nằm Bệnh viện huyện Đắk Mil điều trị : 300.000 đồng; Tiền thu nhập bị mất do phải nằm viện: 07 x 500.000 đồng = 3.500.000 đồng; Tiền thu nhập bị mất cho người chăm sóc (chị H vợ anh Đ) người bị hại: 07 x 500.000 đồng = 3.500.000 đồng;

Tiền chi phí xe đi lại trong thời gian nằm viện: $07 \times 100.000 = 700.000$ đồng;
Tiền bồi dưỡng sức khỏe sau khi ra viện: 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo đã thỏa thuận thống nhất liên đới bồi thường cho người bị hại (anh Nguyễn Hữu Đ) tổng số tiền 9.000.000 đồng, trong đó, bị cáo Võ Thanh T tự nguyện bồi thường 5.000.000 đồng (đã bồi thường tại phiên tòa 2.000.000 đồng), bị cáo Nguyễn Công H xin bồi thường 2.000.000 đồng và bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N bồi thường 2.000.000 đồng. Việc thỏa thuận của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp nên cần chấp nhận, cụ thể: bị cáo Võ Thanh T còn phải tiếp tục bồi thường 3.000.000 đồng (do đã bồi thường tại phiên tòa 2.000.000 đồng và đại diện người bị hại đã nhận), bị cáo Nguyễn Công H bồi thường 2.000.000 đồng và bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N bồi thường 2.000.000 đồng.

Đối với anh Lê Viết T là chủ sở hữu chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 48A - 055.05, khi cho Võ Thanh T mượn xe ô tô do không biết các bị cáo sử dụng xe ô tô vào việc phạm tội nên không xử lý là đúng quy định pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Mạnh H, quá trình điều tra xác định việc các bị cáo có hành vi bắt anh Nguyễn Hữu Đ trái pháp luật, Nguyễn Mạnh H không tham gia và không biết nên không xử lý là đúng quy định pháp luật.

Việc anh Nguyễn Hữu Đ còn khai báo, trong quá trình bị Võ Thanh T cùng đồng phạm bắt anh trái pháp luật, anh Đ bị mất số tiền 200.000.000 đồng để trong túi áo. Quá trình điều tra thu thập tài liệu không có căn cứ xác định về việc anh Đ bị mất số tiền trên, nên không xem xét xử lý là phù hợp.

Về án phí: Do các bị cáo Võ Thanh T, Nguyễn Công H, Nguyễn Ngọc Thái N bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu bồi thường của người bị hại được chấp nhận nên các bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt

Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh T, Nguyễn Công H, Nguyễn Ngọc Thái N phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 157, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Võ Thanh T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 25/6/2020.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 157, Điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 22/6/2020.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 10/9/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587 và 590 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho người bị hại (anh Nguyễn Hữu Đ) tổng số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng, cụ thể: bị cáo Võ Thanh T bồi thường 3.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Ngọc Thái N bồi thường 2.000.000 (Hai triệu) đồng, bị cáo Nguyễn Công H bồi thường 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Võ Thanh T, Nguyễn Công H, Nguyễn Ngọc Thái N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đắk Mil
- (Đội điều tra, Bộ phận NVHS,
- Đội THAHS);
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng